TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2024
V/v tranh chấp
Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ-TỈNH PHÚ THỌ

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Tính;

2. Ông Lê Anh Dũng.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Vũ Đức Minh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa:* Bà Trần Khánh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Việt Trì-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:369/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2023 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị V, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu 7, xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

- *Bị đơn*: Anh Lê Bảy T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu 7, xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

(Chị Vân, anh Tư đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2023, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn ngày 18/12/1996 tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ anh Tư khoảng 02 tháng thì ở riêng tại xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường

xuyên cãi vã, xung đột do anh Tư thường xuyên uống rượu bia về chửi đánh vợ con nhiều lần, công an xã cũng đã phải can thiệp 03 lần. Tháng 6/2023 nguyên đơn cũng đã làm đơn Tòa án đã thụ lý hòa giải anh Tư xin lỗi và hứa thay đổi, nên nguyên đơn rút đơn đình chỉ vụ án, nhưng khi về anh Tư không thay đổi. Nay nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn bị đơn.

Tại bản tự khai ngày 24/10/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày: Quá trình kết hôn, chung sống như nguyên đơn trình bày ở trên là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2018, hai bên thường xuyên có mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xúc phạm nhau, anh đã 04 lần đánh nguyên đơn do nguyên đơn xúc phạm bị đơn, nay bị đơn cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị Vân xin ly hôn bị đơn cũng đồng ý. Tại phiên tòa bị đơn lại có quan điểm không đồng ý ly hôn vì không muốn chia tài sản của vợ chồng; còn nếu anh đồng ý ly hôn thì Tòa án phải chia tài sản của vợ chồng,

- *Về con chung:* Hai bên trình bày vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị Thanh Hạnh, sinh ngày 07/01/1998, Lê Thị Thanh Nga - sinh ngày 24/01/2005, hiện cháu Hạnh và Nga đã thành niên, lao động tự túc nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con chung Lê Huyền Trang, sinh ngày 22/4/2012. Ly hôn hai bên thỏa thuận chị Vân trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tư không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Vân không yêu cầu.

- *Về tài sản chung:*

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Đối với bị đơn tại bản tự khai ngày 24/10/2023 bị đơn trình bày có tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất anh đề nghị Tòa án chia tài sản, nhưng anh trình bày do khó khăn về kinh tế nên không có khả năng nộp chi phí tố tụng để chia tài sản, nên không có yêu cầu. Tòa án cũng đã có Biên bản làm việc giải quyết về quyền và nghĩa vụ của bị đơn khi yêu cầu chia tài sản phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nhưng bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bị đơn không có tiền để nộp.

Về nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên về viêc giải quyết vụ án như sau: Về quan hệ hôn nhân xử cho chị Vân được ly hôn anh Tư; Về con chung: Con chung có 03 con chung là cháu Lê Thị Thanh Hạnh sinh ngày 07/01/1998; Lê Thị Thanh Nga, sinh ngày 24/01/2005; Lê Thị Huyền Trang, sinh ngày 22/04/2012. Hai

con chung Lê Thị Thanh Hạnh và Lê Thị Thanh Nga đã thành niên, có khả năng lao động nên hai vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao là cháu con chung Lê Thị Huyền Trang cho chị Vân trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục đến khi con chung trưởng thành, anh Tư không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vân do chị Vân không yêu cầu.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn bị đơn thấy rằng:* nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì ngày 18/12/1991 trên cơ sở, không thuộc trường hợp cấm kết hôn. Vì vậy, đó là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng năm 2015, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai bên đều trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; nguyên đơn còn cho rằng bị đơn hay uống rượu bia về đánh chửi vợ con nhiều lần, đã 03 lần công an xã phải can thiệp, các con của hai người cũng xác nhận việc bị đơn thường xuyên uống rượu bia về chửi bới, xúc phạm nhiều lần, đã phải báo công an xã giải quyết, bị đơn cũng đã nhiều lần xin lỗi hứa hẹn thay đổi, nhưng khi về vẫn không thay đổi. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, cho cả hai bên ổn định cuộc sống. Còn đối với bị đơn thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng lúc đồng ý ly hôn, nhưng lúc lại không đồng ý ly hôn vì không muốn chia tài sản. Vì vậy, việc bị đơn không đồng ý ly hôn là không có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 02 con chung, đều đã thành niên, lao động tự túc nên hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Còn con chung chưa thành niên hai bên đã thỏa thuận cần ghi nhận.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu; Bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nhưng quá trình giải quyết vụ án không có đơn yêu cầu và trình bày không có tiền để nộp chi phí tố tụng nên Tòa án không xem xét thẩm định, định giá tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Khi nào hai bên có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Vân phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Vân.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Vân được ly hôn với anh Lê Bảy Tư.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của chị Vân và anh Tư về việc giao chị Bùi Thị Vân được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Huyền Trang, sinh ngày 22/4/2012, anh Lê Bảy Tư không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Vân không yêu cầu.

Chị Vân cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Tư trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Con chung là Lê Thị Thanh Hạnh, sinh ngày 07/01/1998 và Lê Thị Thanh Nga - sinh ngày 24/01/2005, đều đã thành niên, lao động tự túc nên hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và công sức đóng góp: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Vân phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0004326 ngày 02/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Chị Vân đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Việt Trì;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Phượng Lâu,TP Việt Trì;
- Chi cục THADS TP Việt Trì;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Ngọc Dũng